TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-ST
Ngày: 25-7-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Vương Thị Vui.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Long Tỵ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Minh M, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phạm Nguyễn Ánh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp H1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Ông Võ Đình T1, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2017, bản tự khai ngày 29/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh M trình bày*: Vào ngày 27/10/2017,

bà M có cho bà H mượn số tiền là 525.000.000 đồng, thời gian trả tiền là vào ngày 03/11/2017. Việc mượn tiền có lập biên bản, có chữ ký xác nhận của bà H. Bà M đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán số tiền trên nhưng bà H không thực hiện. Vì vậy, nay bà Mn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải có nghĩa vụ tranh toán cho bà M số tiền 525.000.000 đồng. Ngoài ra thì bà M còn đưa cho mẹ ruột là bà B1 số tiền 610.000.000 đồng để bà B1 cho bà H mượn tiền. Khi cho mượn thì bà B1 là người đứng ra giao tiền và là người đứng tên trên giấy cho mượn tiền. Nay, đối với số tiền 610.000.000 đồng thì bà M không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo yêu cầu của bà B1.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 19/01/2018, bản tự khai ngày 19/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Ngày 23/8/2014 bà B1 cho bà H mượn số tiền 300.000.000 đồng, ngày 20/11/2015 bà B1 cho bà H mượn số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/11/2015 sẽ hoàn trả hết số tiền cho bà B1, ngày 21/01/2016 bà B1 cho bà H mượn số tiền 100.000.000 đồng, ngày 07/3/2016 bà B1 cho bà H mượn số tiền 100.000.000 đồng, ngày 06/7/2016 bà B1 cho bà H mượn số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng bà H mượn của bà B1 số tiền là 610.000.000 đồng. Tất cả những lần mượn tiền này thì người đứng ra cho mượn là bà B1 nhưng thực chất là tiền của bà M (Bà M là con ruột của bà B1). Người đứng tên trên giấy tờ cho mượn tiền là bà B1. Việc vay mượn tiền có bà H ký tên xác nhận. Bà B1 cũng đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán số tiền trên nhưng cho đến nay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận. Vì vậy, nay bà B1 yêu cầu độc lập buộc bà H phải có nghĩa vụ tranh toán cho bà B1 số tiền 610.000.000 đồng để bà B1 trả lại cho bà M.

- Bị đơn bà Phạm Nguyễn Ánh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn đang cư

trú tại xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Phạm Nguyễn Ánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa và cung cấp chứng cứ cho Tòa án nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh và nghĩa vụ của người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn bà M yêu cầu bị đơn bà thanh toán số tiền 525.000.000 đồng, chứng cứ mà nguyên đơn khởi kiện là giấy mượn tiền (không thể hiện ngày tháng năm). Theo nội dung trong giấy mượn tiền thì bà H có mượn của bà M số tiền là 525.000.000 đồng. Bà M đã nhiều lần yêu cầu bà Hg thanh toán tiền trên nhưng cho đến nay thì bà H không thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B1 yêu cầu bị đơn bà H thanh toán 610.000.000 đồng cho bà B1. Chứng cứ mà bà B1 yêu cầu là các giấy mượn tiền ngày 23/8/2014, ngày 20/11/2015, ngày 21/01/2016, ngày 07/3/2016 và ngày 06/7/2016. Theo nội dung các giấy mượn tiền nêu trên thì bà H có mượn của bà B1 tổng số tiền là 610.000.000 đồng. Bà B1 đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán số tiền trên nhưng cho đến nay bà H không thực hiện.

Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết đối với bà Phạm Nguyễn Ánh H giấy mượn tiền không thể hiện ngày, và các giấy mượn tiền ngày ngày 23/8/2014, ngày 20/11/2015, ngày 21/01/2016, ngày 07/3/2016 và ngày 06/7/2016. Theo kết luận giám định số 116/GĐ-PC54 ngày 04/5/2018 thì chữ viết mang tên Phạm Nguyễn Ánh H dưới mục người mượn trong giấy mượn tiền không thể hiện ngày và các giấy mượn tiền ngày ngày 23/8/2014, ngày 20/11/2015, ngày 21/01/2016, ngày 07/3/2016 và ngày 06/7/2016 so với chữ viết của Phạm Nguyễn Ánh H trên các tài liệu mẫu giám định là do cùng một người ký ra.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh M đối với bị đơn bà Phạm Nguyễn Ánh H và chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 đối với bà Phạm Nguyễn Ánh H theo quy định tại Điều 471, 474, 477, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471, 474, 477, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh M đối với bà Phạm Nguyễn Ánh H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc bà Phạm Nguyễn Ánh H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Minh M số tiền 525.000.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B1 đối với bà Phạm Nguyễn Ánh H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc bà Phạm Nguyễn Ánh H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền 610.000.000 đồng (sáu trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Phạm Nguyễn Ánh H phải nộp số tiền 53.400.000 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh M số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà M đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011152 vào ngày 30/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền 19.650.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà B1 đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011377 vào ngày 19/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn